TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019.
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/9/2019 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1990, có mặt.

Địa chỉ: Khu dân cư M, xã V, huyện G, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện TH, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

- Ông Đặng Văn K, sinh năm 1967 và bà Trần Thị A, sinh năm 1968. Địa chỉ: Địa chỉ: Khu dân cư M, xã V, huyện G, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị H và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã Đ, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/9/2013. Khi về chung sống được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, hai bên chung sống hạnh

phúc đến khoảng tháng 4/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa hợp, anh Q ham chơi, không chăm lo, chăm sóc vợ con. Vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mặc dù đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Do tình cảm vợ chồng không còn nên khoảng tháng 11/2017 chị và anh Q sống ly thân, không quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị H đề nghị ly hôn với anh Q, theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H, anh Q có một con chung là Hoàng Tuấn I, sinh ngày 28/4/2014, do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng chị Hoàng Thị N (là em gái ruột của anh Q) trình bày: Toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã giao, thông báo cho anh Q được biết. Chị N xác định anh Q, chị H là vợ chồng. Quá trình chung sống các bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết. Khi anh Q, chị H phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, đã sống ly thân, không có biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Nếu hai bên đương sự ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao cho anh Q nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Tuấn I.

Tại Đơn đề nghị người làm chứng ông K, bà A (bố mẹ đẻ chị H) trình bày: Chị H, anh Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hai bên không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày mặc dù được gia đình động viên khuyên bảo nhiều lần. Hiện tại hai bên đương sự không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân ông K, bà A đề nghị giải quyết cho chị H ly hôn anh Q và giao cháu I cho chị H nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H đề nghị ly hôn được ly hôn với anh Q; đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm.

Về thủ tục tố tụng, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng. Chị H chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Anh Q chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân, xử chị H ly hôn anh Q. Về con chung, giao con là Hoàng Tuấn I cho chị H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử, nhận định.

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ:

Chị Đặng Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình với anh Hoàng Văn Q. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Về xác định nơi cư trú của anh Hoàng Văn Q: Chị Đặng Thị H có đơn khởi kiện giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, tại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện chị H đã cung cấp đúng địa chỉ của anh Q. Chị Hoàng Thị Nguyệt (là em gái ruột của anh Q) xác định anh Q ở cùng với gia đình tại thôn B, xã Đ, huyện TH, tỉnh Hải Dương. Tòa án đã xác minh với chính quyền thôn B, Ban Công an xã và UBND xã Đ đều xác nhận anh Q có hộ khẩu thường trú, cư trú, sinh sống tại thôn B, xã Đ, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Về thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn Q đã được Tòa án, chị H và gia đình của anh Q thông báo về việc khởi kiện, các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh Q vắng mặt và không có văn bản nêu quan điểm của mình gửi Tòa án. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với anh Q thông qua người thân trong gia đình của anh Q có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, người thân trong gia đình của anh Q là chị Hoàng Thị Nguyệt xác nhận anh Q đã giao, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Q. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những nội dung như đã nêu ở trên có đủ cơ sở để khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp của việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đối với bị đơn là anh Q nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để anh Q thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của pháp luật.

Đối với việc thu thập chứng cứ: Theo quy định của pháp luật, chứng cứ là những gì có thật, được đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp hoặc xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định các yêu

cầu của đương sự là có căn cứ và hợp pháp. Căn cứ vào các Điều 94, 95, 96, 97, 98, 99, 196 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Hoàng Văn Q có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, hết thời hạn Tòa án đã ấn định, anh Q không giao, nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, điều kiện, hoàn cảnh cuộc sống thực tế của các bên đương sự, để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị H, anh Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã Đ, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/9/2013, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống các đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H, anh Q do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không bảo ban nhau được trong cuộc sống thường ngày, đời sống tình cảm vợ chồng không hòa hợp. Khi hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn nhưng đã không đủ bản lĩnh, kỹ năng giải quyết, vượt qua các mâu thuẫn vợ chồng, nên từ năm 2017 đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Xác minh tại đoàn thể, UBND xã Đ và người thân trong gia đình của đương sự xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh Q đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, chị H cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho anh Q biết nhưng anh Q không không khai báo, không tham gia phiên hòa giải. Điều này chứng tỏ anh Q cũng không tha thiết, không mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị H. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xử, chị H ly hôn anh Q là đúng pháp luật, phù hợp với thực tế cuộc sống.

[3]. Về con chung: Xác định chị H, anh Q có một con chung là Hoàng Tuấn I, sinh ngày sinh ngày 28/4/2014, hiện tại chị H nuôi dưỡng. Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, thì thấy kể từ khi các bên đương sự sống ly thân, chị H là người nuôi dưỡng cháu Hải. Quá trình giải quyết vụ án chị H đã chứng minh có đầy đủ các điều kiện về nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H cũng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu Hải cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế cuộc sống, tránh xáo trộn hoàn cảnh sống, tâm sinh lý, việc học tập của cháu Hải. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Anh Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ, công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết, không yêu cầu ghi nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H ly hôn anh Hoàng Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Tuấn I, sinh ngày sinh ngày 28/4/2014 cho chị Đặng Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thời điểm tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị H, kể từ tháng 11/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Hoàng Văn Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005674, ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Văn Q được quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Đ, huyện TH (đăng ký số 32, quyển số 01/2013, ngày 27/9/2013, để lưu & vào sổ hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuân